Trường: ……. **Họ và tên:……..** **Lớp:……**	**Số báo danh**	**Kiểm tra cuối năm - Năm học 2022-2023** **Môn: Toán – Lớp 3** **Ngày kiểm tra:** **Thời gian: 40 phút**	
		Chữ ký giám thị	**Số mật mã**

Điểm		**Chữ ký giám khảo**	**Số mật mã**
Ghi bằng số	**Ghi bằng chữ**		

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng (hoặc làm theo yêu cầu)

Câu 1: (M1 – 1đ)

a) Số gồm 6 chục nghìn, 2 trăm, 4 chục và 7 đơn vị viết là:

A. 6 247 B. 62 047 C. 60 247 D. 60 427

b) Chữ số 3 trong số 81 036 có giá trị là

A. 3 B. 30 C. 306 D. 300

Câu 2: (M2 – 1đ)

a) Dãy số La Mã được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là:

A. XI, IX, VII, IV, III B. IX, XI, VII, IV, III

C. III, IV, VII, IX, XI D. III, IV, VII, XI, IX

b) Số 12 256 làm tròn đến hàng nghìn ta được:

A. 12 300 B. 12 000 C. 12 200 D. 10 000

Câu 3: (M2 – 1đ)

a) Một hình chữ nhật có chiều rộng 15 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Chiều dài của hình chữ nhật đó là:

A. 120 m B. 18 m C. 35 m D. 45 m

b) Một miếng gạch hình vuông có chu vi 24 dm. Cạnh của miếng gạch đó là:

A. 6 dm B. 8 dm C. 48 dm D. 96 dm

Câu 4: (M2 – 1đ) *Đúng ghi Đ, sai ghi S:*

a) Tháng 4 có 30 ngày. ☐

b) Thứ hai tuần này là ngày 12 tháng 5, vậy thứ ba tuần sau là ngày 17 tháng 5. ☐

c) Hoa đến siêu thị lúc 7 giờ, đến 8 giờ kém 10 phút Hoa ra về. Vậy Hoa đi siêu thị hết 1 giờ 10 phút. ☐

d) Mẹ cho Nam có 3 tờ giấy bạc mệnh giá 5 000 đồng. Vậy Nam có 15 000 đồng. ☐

Câu 5: (M3 – 1đ) *Điền vào chỗ trống:*

a) Người ta uốn sợi dây thép thành một hình vuông cạnh 8 cm. Vậy độ dài đoạn dây thép cần dùng là …….

b) Thợ xây muốn sơn lại cửa sổ hình chữ nhật có chiều dài 1 m, chiều rộng kém chiều dài 4 dm. Vậy diện tích cửa sổ cần sơn là …….

Câu 6: (M2 – 1đ) *Cho khối lượng nộp giấy trong phong trào Kế hoạch nhỏ của trường Trần Quốc Toản trong các năm 2021, 2022, 2023 lần lượt là: 1 150 kg, 1 250 kg; 1 600 kg.*

a) Điền số thích hợp để hoàn thành bảng sau:

Năm	2021	2022	2023
Khối lượng			

b) Tổng số giấy trong cả ba năm trường đã nhận được là: …….kg

Câu 7: (M2 – 1đ) *Tính giá trị của biểu thức:*

a) (1 478 + 2 354) : 4 *b)* 1 500 x 6 – 3 000

.....

.....

.....

Câu 8: (M2 – 1đ) *Đặt tính rồi tính:*

41 635 + 12 715 87 706 – 6 613 2 109 x 4 36 012 : 6

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9: (M3 – 1đ) *Trong một ngày khu vui chơi Đại Nam bán được 5 200 vé trẻ em, số vé người lớn bán được gấp 3 lần số vé trẻ em. Hỏi khu vui chơi bán được tất cả bao nhiêu vé người lớn và trẻ em?*

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: (M3 – 1đ) *Tìm một số biết nếu lấy số đó chia cho số chẵn lớn nhất có một chữ số thì được 10 và số dư là số dư lớn nhất.*

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI NĂM NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: TOÁN – LỚP 3

I. Ma trận bảng 1

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL
Số và phép tính: tính giá trị của biểu thức; cộng, trừ các số trong phạm vi 100 000; nhân (chia) số có năm chữ số với (cho) số có một chữ số; làm tròn số; số La Mã.	Số câu	1		1	2		1	**2**	**3**
	Số điểm	1		1	2		1	**2**	**3**
Đại lượng và đo đại lượng: các đơn vị đo độ dài, khối lượng, dung tích, thời gian; tiền Việt Nam.	Số câu			1				**1**	
	Số điểm			1				**1**	
Yếu tố hình học: Hình phẳng và hình khối; tính chu vi, diện tích hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.	Số câu			1			1	**1**	**1**
	Số điểm			1			1	**1**	**1**
Yếu tố thống kê, xác suất	Số câu				1				**1**
	Số điểm				1				**1**
Giải bài toán có lời văn	Số câu						1		**1**
	Số điểm						1		**1**
Tổng	Số câu	**1**		**3**	**3**		**3**	**4**	**6**
	Số điểm	**1**		**3**	**3**		**3**	**4**	**6**

II. Ma trận bảng 2

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	**Số học**	Số câu	1		1	2		1	**5**
		Câu số	1		2	7,8		10	
2	**Đại lượng và đo đại lượng**	Số câu			1				**1**
		Câu số			4				
3	**Yếu tố hình học**	Số câu			1			1	**2**
		Câu số			3			5	
4	**Yếu tố thống kê, xác suất**	Số câu				1			**1**
		Câu số				6			
5	**Giải bài toán có lời văn**	Số câu						1	**1**
		Câu số						9	
Tổng số câu			**1**		**3**	**3**		**3**	**10**
Tổng số			**1**		**6**		**3**		**10**

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM MÔN TOÁN LỚP 3

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI NĂM

<table>
<tr><th>Câu - Điểm</th><th>Câu đúng</th><th>Diễn giải</th></tr>
<tr><td>Câu 1:
(M1 – 1đ)</td><td>a) C. 60 247
b) B. 30</td><td>Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm.</td></tr>
<tr><td>Câu 2:
(M2 – 1đ)</td><td>a) A. XI, IX, VII, IV, III
b) B. 12 000</td><td>Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm.</td></tr>
<tr><td>Câu 3 :
(M2 – 1đ)</td><td>a) D. 45 m
b) A. 6 dm</td><td>Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm.</td></tr>
<tr><td>Câu 4:
(M2 – 1đ)</td><td>a) Đ b) S
c) S d) Đ</td><td>Mỗi ý đúng đạt 0.25 điểm.</td></tr>
<tr><td>Câu 5:
(M3 – 1đ)</td><td>a) 32 cm
b) 60 dm^2</td><td>Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm.</td></tr>
<tr><td>Câu 6:
(M2 – 1đ)</td><td><table><tr><td>Năm</td><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td></tr><tr><td>Khối lượng</td><td>1150 kg</td><td>1250 kg</td><td>1600 kg</td></tr></table>b) 4000 kg</td><td>Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm.
Câu a) viết số đúng nhưng thiếu đơn vị trừ 0.25 điểm.</td></tr>
<tr><td>Câu 7:
(M2 – 1đ)</td><td>a) (1 478 + 2 354) : 4
= 3 832 : 4
= 958
b) 1 500 x 6 – 3 000
= 9 000 – 3 000
= 6 000</td><td>Mỗi bước đúng đạt 0.25 điểm.</td></tr>
<tr><td>Câu 8:
(M2 – 1đ)</td><td>54 350, 81 093, 8 436, 6 002</td><td>Mỗi phép tính đúng đạt 0.25 điểm.</td></tr>
<tr><td>Câu 9:
(M3 – 1đ)</td><td>Số vé người lớn khu vui chơi bán được là:
5 200 x 3 = 15 600 (vé)
Số vé người lớn và trẻ em khu vui chơi bán được tất cả là:
5 200 + 15 600 = 20 800 (vé)
Đáp số: 20 800 vé</td><td>0.25 điểm
0.25 điểm
0.25 điểm

0.25 điểm</td></tr>
<tr><td>Câu 10:
(M3 – 1đ)</td><td>Số chẵn lớn nhất có một chữ số là: 8
Số dư lớn nhất là: 7
Số bị chia là:
10 x 8 + 7 = 87
Đáp số: 87</td><td>0.25 điểm
0.25 điểm
0.25 điểm
0.25 điểm</td></tr>
</table>